

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Khu vực phát triển Khu đô thị
Phường 5, Phường 6 - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chung thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị của thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1487/TTr-SXD ngày 14/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực phát triển đô thị với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên khu vực phát triển đô thị: Khu đô thị Phường 5, Phường 6 - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang.

2. Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng Tiền Giang.

3. Địa điểm, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực phát triển đô thị:

a) Địa điểm, ranh giới: Vị trí khu đô thị Phường 5, Phường 6 - thành phố Mỹ Tho được xác định như sau:

- Phía Đông : giáp phường 4 và phường 7.

- Phía Tây : giáp phường 10 và xã Trung An.

- Phía Nam : giáp sông Tiền.



- Phía Bắc : giáp phường 10 và xã Đạo Thạnh.

Quy mô: Khu đô thị Phường 5, Phường 6 có diện tích 583,07 ha.

b) Đề xuất khu đô thị Phường 5, Phường 6 - thành phố Mỹ Tho được phân chia thành 2 khu vực phát triển đô thị theo ranh giới hành chính của mỗi phường.

Số TT	Tên khu vực phát triển đô thị	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Phường 5	271,77	Khu vực phát triển đô thị: Ranh giới toàn phường
2	Phường 6	311,30	Khu vực phát triển đô thị: Ranh giới toàn phường
	Tổng cộng	583,07	

c) Tính chất, các chức năng chính của khu vực:

Số TT	Trên khu vực PTĐT, dự án PTĐT	Diện tích (ha)	Chức năng
I	Dự án hạ tầng kỹ thuật khung (13 dự án)	44,35	- Đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đường (24,32ha). - Nhà ở mới hai bên đường (20,03ha).
II	Dự án hạ tầng xã hội khung (05 dự án)	16,62	- Trung tâm liên hợp TĐTT tỉnh; - Trường THPT (02 trường); - Nhà ở tái định cư. - Trụ sở UBND phường.
III	Khu vực phát triển đô thị	97,21	
1	Khu vực phát triển đô thị phường 5 (12 dự án)	72,29	- Khu phát triển hỗn hợp - Nhóm nhà ở chung cư, nhà ở xã hội, nhà ở xây dựng mới. - Công trình giáo dục. - Công trình dịch vụ công cộng - Cây xanh sử dụng công cộng, công viên ven sông Bảo Định - Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị
2	Khu vực phát triển đô thị phường 6 (07 dự án)	24,92	- Nhóm nhà ở xây dựng mới. - Công trình công cộng, dịch vụ. - Cây xanh sử dụng công cộng.
	TỔNG CỘNG	158,18	

d) Danh mục các dự án trong khu vực phát triển đô thị:

* *Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khung*

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khung: Phụ lục I

- Dự án hạ tầng xã hội khung:

Số TT	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Công trình	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
I	Công trình công cộng đô thị hiện hữu	8,761			
1	Dự án HTXH đô thị hiện hữu, nâng cấp mở rộng (Dự án P6-HTXH1)	8,18	Trung tâm liên hợp TĐTT tỉnh Tiền Giang	GĐ2 (2021-2025)	Phường 6
2	Dự án trụ sở làm việc UBND phường 6 (Dự án P6-HTXH2)	0,581	Trụ sở làm việc UBND phường 6	GĐ1 (2017-2020)	Phường 6
II	Công trình công cộng đô thị xây dựng mới	7,86			
1	Dự án HTXH đô thị xây dựng mới (Dự án P5-HTXH1)	1,57	Trường THPT (QH)	GĐ2 (2021-2025)	Phường 5
2	Dự án HTXH đô thị xây dựng mới (Dự án P5-HTXH2)	1,33	Trường THPT (QH)	GĐ2 (2021-2025)	Phường 5
3	Dự án HTXH đô thị xây dựng mới (Dự án P5-HTXH3)	4,96	Nhà ở tái định cư (QH)	GĐ1 (2017-2020)	Phường 5
	TỔNG CỘNG	16,62			

* Dự án phát triển đô thị: Phụ lục II.

4. Thời hạn thực hiện dự kiến:

Thời hạn thực hiện dự kiến trong 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: từ năm 2017 đến năm 2020.
- Giai đoạn 2: từ năm 2021 đến năm 2025.
- Giai đoạn 3: từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị:

a) Sơ bộ khái toán

- Dự án HTKT và HTXH khung:

+ Dự án HTKT khung: 463.804.000.000 đồng

+ Dự án HTXH khung: 143.824.677.000 đồng

- Dự án đầu tư khu vực phát triển đô thị: Tổng cộng khái toán các dự án phát triển đô thị: 1.492.168.000.000 đồng. Trong đó:

+ 02 dự án đã có nhà đầu tư thực hiện với tổng mức đầu tư 752.099.000 đồng (dự án Khu dân cư dọc sông Tiền - thành phố Mỹ Tho (giai đoạn 1) do Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Bắc thực hiện và dự án Khu thương mại – dịch vụ thành phố Mỹ Tho do Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Nguyễn Kim Tiền Giang thực hiện).

+ 17 dự án phát triển đô thị thực hiện kêu gọi đầu tư với tổng khái toán 740.069.000 đồng.

b) Dự kiến các nguồn lực đầu tư: Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị đề xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 398.390.000.000 đồng.

- Nguồn vốn xã hội hóa: 1.701.407.000.000 đồng.

Điều 2: Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho và các đơn vị liên quan tổ chức công bố Khu vực phát triển đô thị và quản lý thực hiện Khu vực phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Tiền Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Phạm Anh Tuấn;
- VPUB: CVP, PVP N.H.Đức;
- Lưu: VT, ĐTXD (G).

76

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Phạm Anh Tuấn*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC I: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG
(Khu vực phát triển đô thị Khu đô thị Phường 5, Phường 6 - thành phố Mỹ Tho)

*(Ban hành kèm Quyết định số ~~288~~/QĐ-UBND ngày 02/10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Số TT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Đường Vành đai 1 (Dự án P5/6-HTKT1)	2.315	28	phường 5; phường 6	GĐ1&2 (2017-2025)	- Đầu tuyến: đường Lê Thị Hồng Gấm - Cuối tuyến: Ấp Bắc
2	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn mở rộng) (Dự án P6-HTKT1)	142	20	phường 6	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Lê Thị Hồng Gấm - Cuối tuyến: đường ven sông Tiền
3	Huyện lộ 94B (Dự án P5-HTKT1)	560	28	phường 5	GĐ2 (2021-2025)	- Đầu tuyến: QL 60 - Cuối tuyến: Vành đai 1
4	Đường số 2 (Dự án P5-HTKT2)	865	20	phường 5	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: QL 60 - Cuối tuyến: Đường E
5	Đường D (Dự án P5-HTKT3)	690	13-20	phường 5	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Lê Văn Phẩm - Cuối tuyến: Đường E
6	Đường E (Dự án P5-HTKT4)	439	20	phường 5	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Lý Thường Kiệt - Cuối tuyến: Đường số 2
7	Đường C (Dự án P5-HTKT5)	270	20	phường 5	GĐ2 (2021-2025)	- Đầu tuyến: đường Hồ Văn Nhánh - Cuối tuyến: đường Huyện lộ 94B
8	Đường số 12 và đường số 13 (Dự án P5-HTKT6)	697	16	phường 5	GĐ3 (2026-2030)	Thuộc đơn vị ở số V
9	Các tuyến đường thuộc đơn vị ở VI (đường 19, đường 20, đường I, đường H, đường G) (Dự án P5-HTKT7)	2.887	16-20	phường 5	GĐ3 (2026-2030)	Thuộc đơn vị ở số VI
10	Đường Lê Văn Phẩm (đoạn mở rộng từ Lý	680	22	phường 5; phường 6	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Lý Thường Kiệt

	Thường Kiệt đến ngã 3 chợ đêm) (Dự án P5/6-HTKT2)			phường 6	2020)	- Cuối tuyến: Ngã 3 chợ đêm
11	Đường C1 và C2 (cải tạo, mở rộng đoạn nối từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Võ Nguyên Giáp) (Dự án P6-HTKT2)	656	17	phường 6	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Lê Thị Hồng Gấm - Cuối tuyến: đường Võ Nguyên Giáp
12	Các tuyến đường quy hoạch phía Bắc và phía Nam đường Trần Ngọc Giải (Dự án P6-HTKT3)	1.358	16-20	phường 6	GĐ2 (2021-2025)	Hai bên đường Trần Ngọc Giải
13	Đường số 9 (Dự án P6-HTKT4)	209	20	phường 6	GĐ1 (2017-2020)	- Đầu tuyến: đường Trần Hưng Đạo - Cuối tuyến: đường Dương Khuy
	TỔNG CỘNG	11.768				

PHỤ LỤC II: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Khu vực phát triển đô thị Khu đô thị Phường 5, Phường 6 – thành phố Mỹ Tho)

(Ban hành kèm Quyết định số ~~2809~~ /QĐ-UBND ngày 02/10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

*** Danh mục các dự án phát triển đô thị phường 6**

Số TT	Tên khu vực PTĐT, Dự án PTĐT	Diện tích (ha)	Chức năng	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
I	Khu vực PTĐT P5	72,29			
1	Dự án P5-DA1	2,53	Đất phát triển hỗn hợp	GD1 (2017-2020)	Đơn vị ở I
2	Dự án P5-DA2	13,22	Đất nhóm nhà ở chung cư và đường giao thông kết nối.	GD1 (2017-2020)	
3	Dự án P5-DA3	3,51	Đất nhóm nhà ở xã hội và đường giao thông kết nối.	GD1 (2017-2020)	
4	Dự án P5-DA4	2,48	Trường mầm non và trường trung học cơ sở	GD1&2 (2017-2025)	
5	Dự án P5-DA5	3,54	Trường mầm non và trường tiểu học	GD1&2(2017-2025)	
6	Dự án P5-DA6	17,82	Cây xanh sử dụng công cộng và đường giao thông nội bộ	GD3 (2026-2030)	
7	Dự án P5-DA7	8,32	Công trình dịch vụ công cộng, nhà ở và đường giao thông kết nối	GD2 (2021-2025)	Đơn vị ở II
8	Dự án P5-DA8	14,44	Công trình dịch vụ công cộng, nhà ở, trường tiểu học và đường giao thông kết nối	GD2 (2021-2025)	
9	Dự án P5-DA9	3,64	Công viên kết hợp đường giao thông ven sông Bảo Định	GD2 (2021-2025)	Đơn vị ở VI
10	Dự án P5-DA10	0,23	Trường mẫu giáo xây dựng mới	GD1 (2017-2020)	Đơn vị ở VI
11	Dự án P5-DA11	0,7	Trường tiểu học xây dựng mới	GD1 (2017-2020)	Đơn vị ở VI
12	Dự án P5-DA12	1,86	Khu thương mại - dịch vụ TP Mỹ Tho	GD1 (2017-2020)	Đơn vị ở II



*** Danh mục các dự án phát triển đô thị phường 6**

Số TT	Tên khu vực PTĐT, Dự án PTĐT	Diện tích (ha)	Chức năng	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
II	Khu vực PTĐT P6	24,92			
1	Dự án P6-DA1 (Khu dân cư kênh Xáng Cụt)	9,49	Nhà ở, cây xanh, thương mại dịch vụ và HTKT đô thị.	GĐ1 (2017-2020)	Đơn vị ở III và IV
2	Dự án P6-DA2 (Khu dân cư dọc sông Tiền giai đoạn 1)	6,48	Nhà ở, cây xanh, thương mại dịch vụ và HTKT đô thị.	GĐ1 (2017-2020)	
3	Dự án P6-DA3 (Bến du thuyền)	0,25	Bến du thuyền trên sông Tiền kết hợp dịch vụ	GĐ1 (2017-2020)	Đơn vị ở IV
4	Dự án P6-DA4 (Xây dựng chợ và phố chợ phường 6)	2,56	Chợ, HTKT chợ và đường giao thông đầu nối	GĐ1 (2017-2020)	Đơn vị ở III
5	Dự án P6-DA5	3,96	Công cộng, dịch vụ, nhà ở, HTKT đô thị và đường giao thông đầu nối	GĐ2 (2021-2025)	
6	Dự án P6-DA6	1,47	Công cộng, dịch vụ, nhà ở	GĐ1 (2017-2020)	Đơn vị ở IV
7	Dự án P6-DA7	0,71	Trường mẫu giáo xây dựng mới	GĐ1 (2017-2020)	Đơn vị ở IV